CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Vinpearl

Ngày 31/12/2025	94,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	19.5%	**26.3%**	**17.3%**

DT thuần
Q4/25
6,525
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3,424| 110%

LN thuần
Q4/25
526
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 381| 263%

LN sau thuế
Q4/25
703
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 534| 316%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
14.6%
YoY: +/-▼ 15.1%

ROE
2025
3.3%
YoY: +/-▼ 8.1%

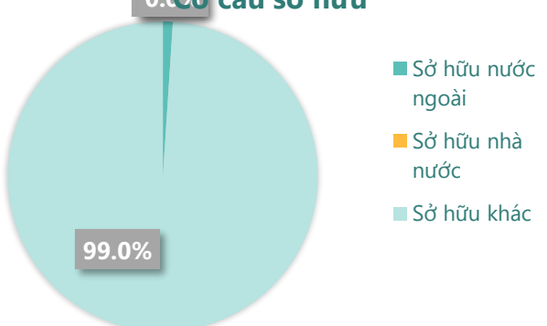
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	70,500 - 106,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	168,929
Số lượng CPLH (CP)	1,793,300,377
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,913,220
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.92
EPS	631
P/E	149.4

DT thuần
2025
15,539
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,163| 8.1%

LN thuần
2025
1,105
tỷ VNĐ
YoY: ▼2,000| -64.4%

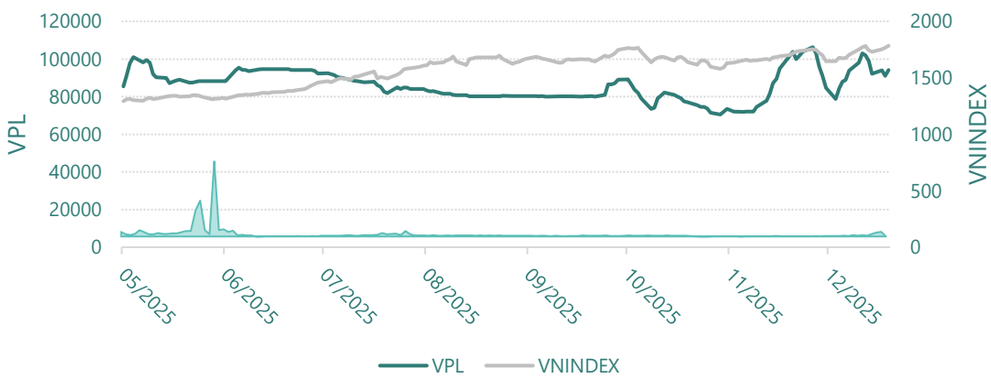
LN sau thuế
2025
1,131
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,419| -55.7%

Cơ cấu sở hữu

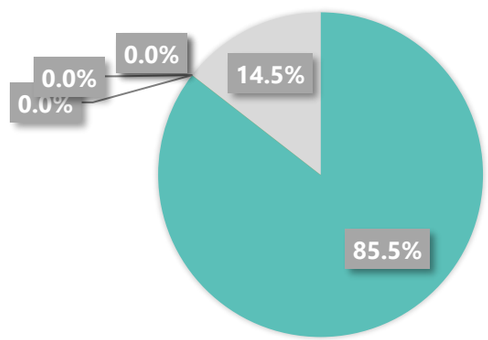


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

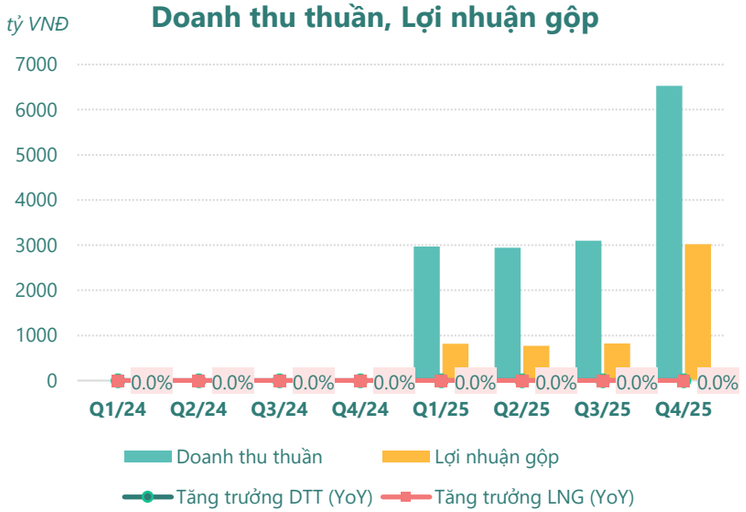


- Tập đoàn Vingroup - CTCP
- Vũ Thị Kim Hường (Giám đốc tài chính)
- Hoàng Thị Mỹ Hạnh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Đình Nga (Giám đốc)
- Đỗ Mỹ Hương (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

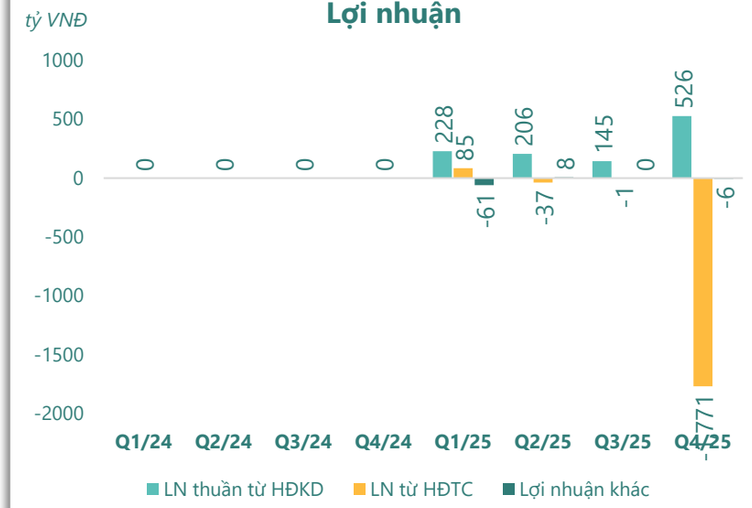
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



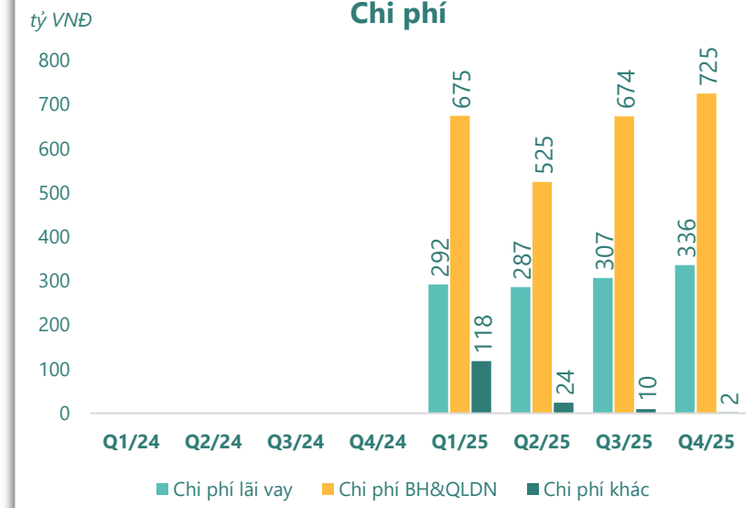
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



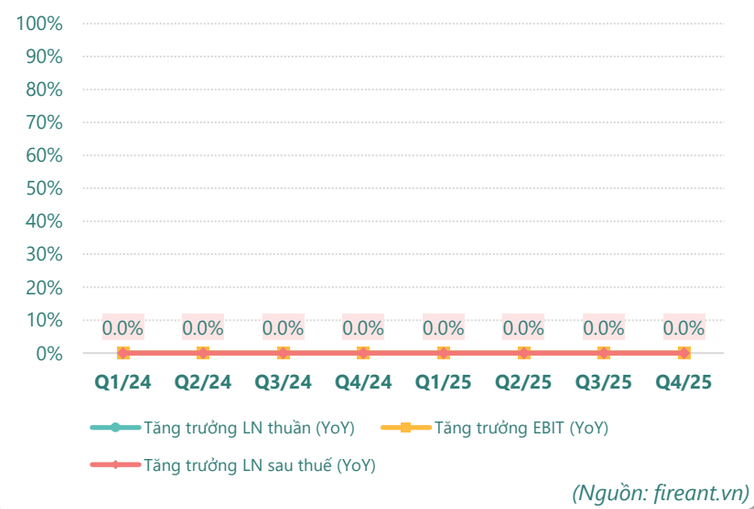
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



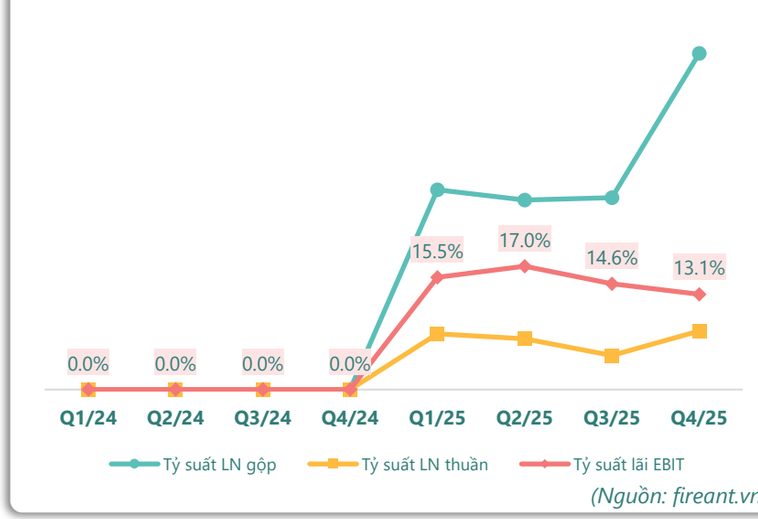
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



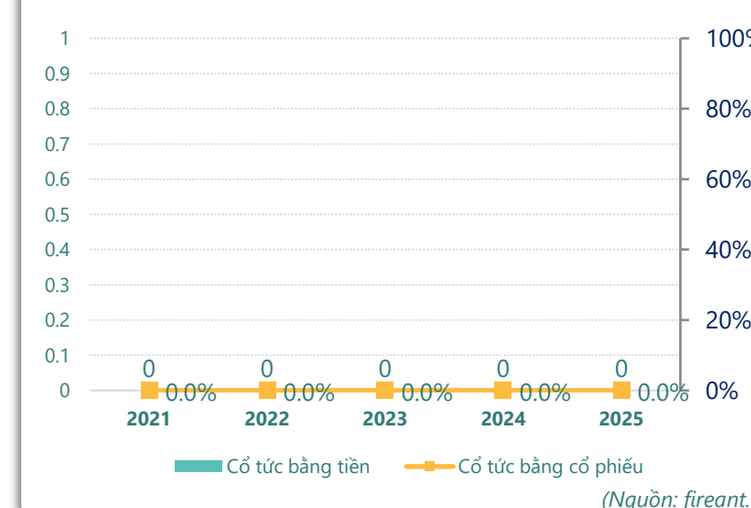
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

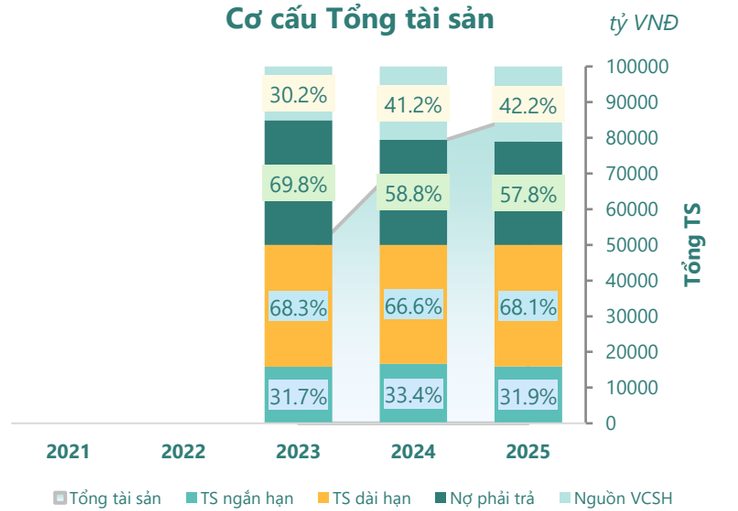
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

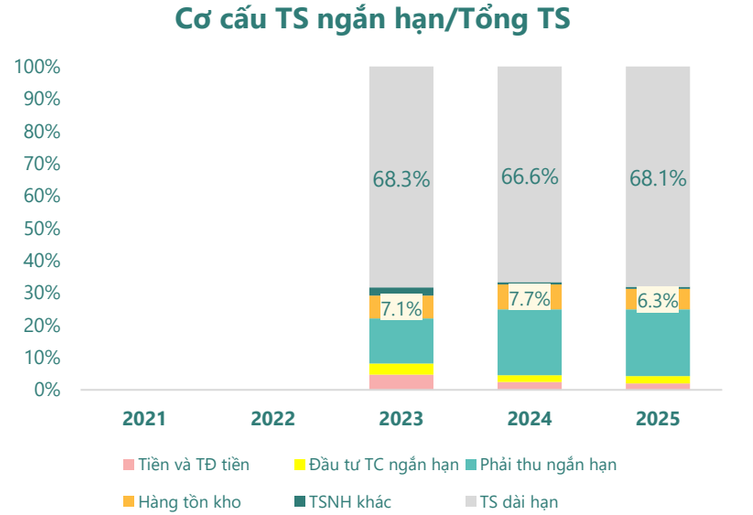
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



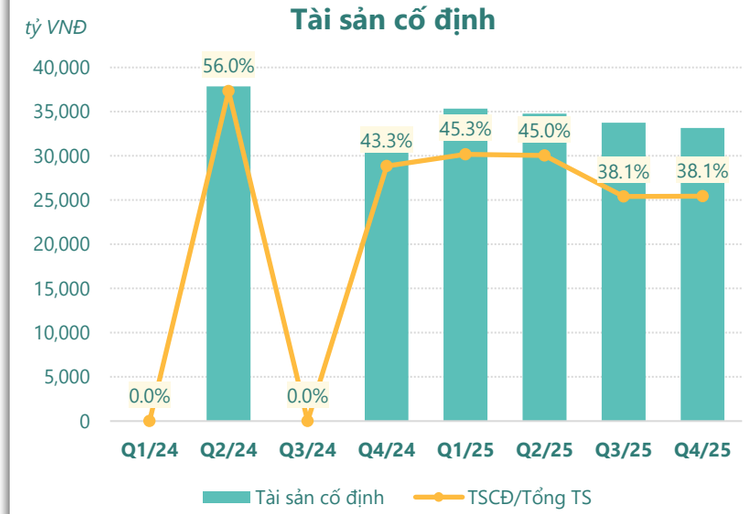
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



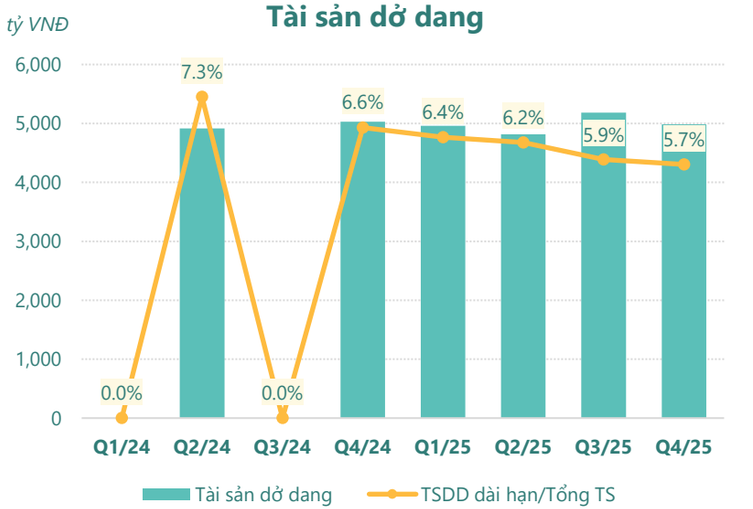
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



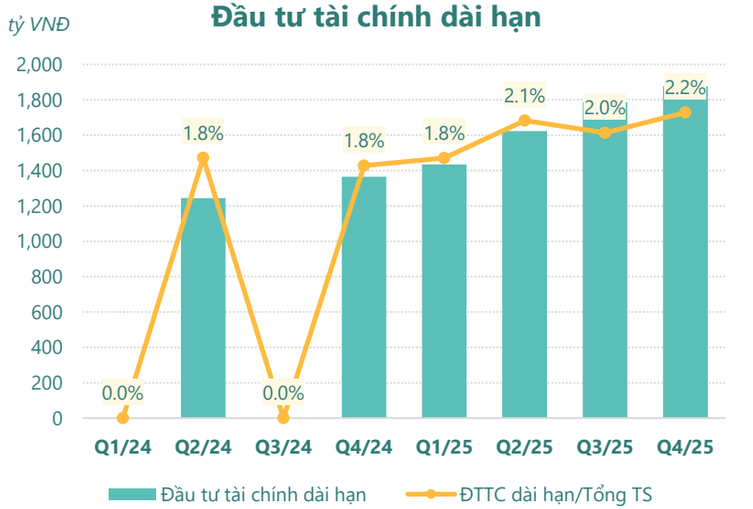
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



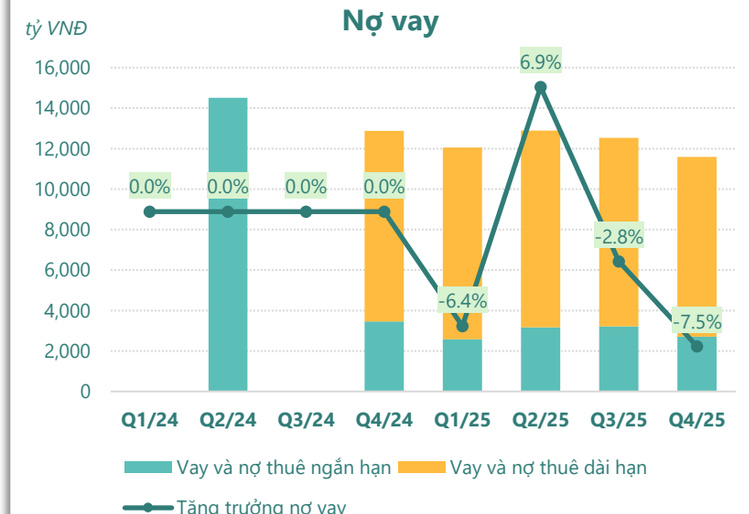
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

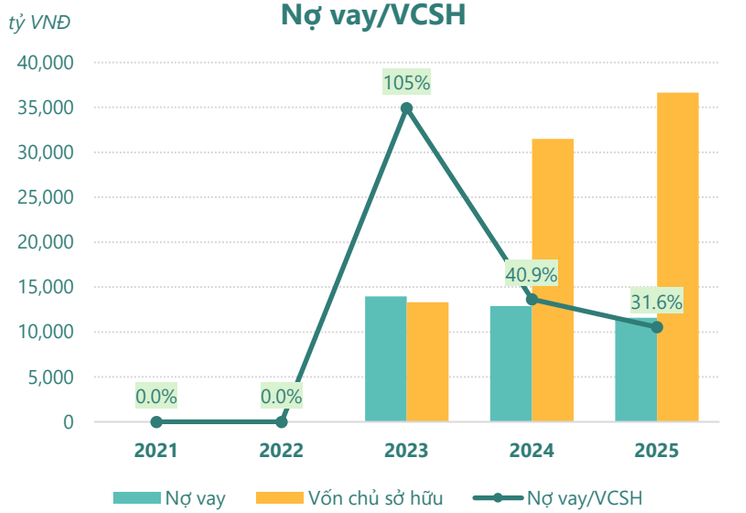
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

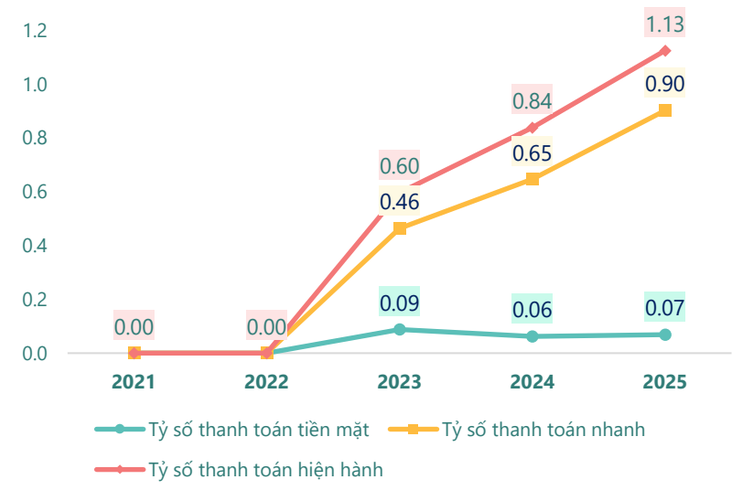
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



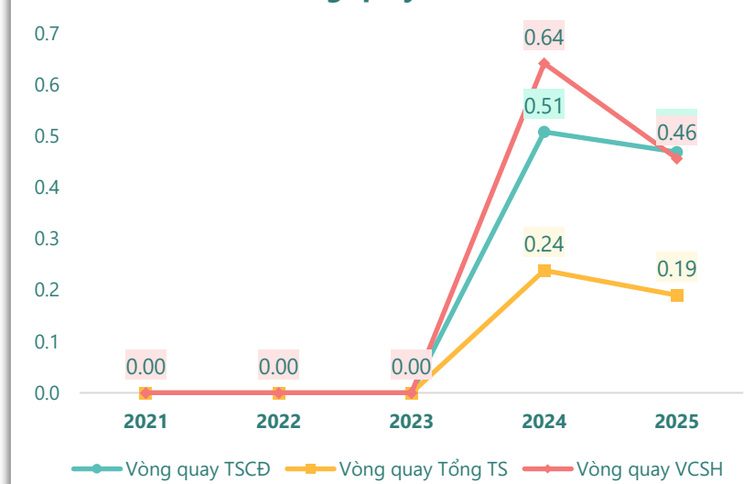
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



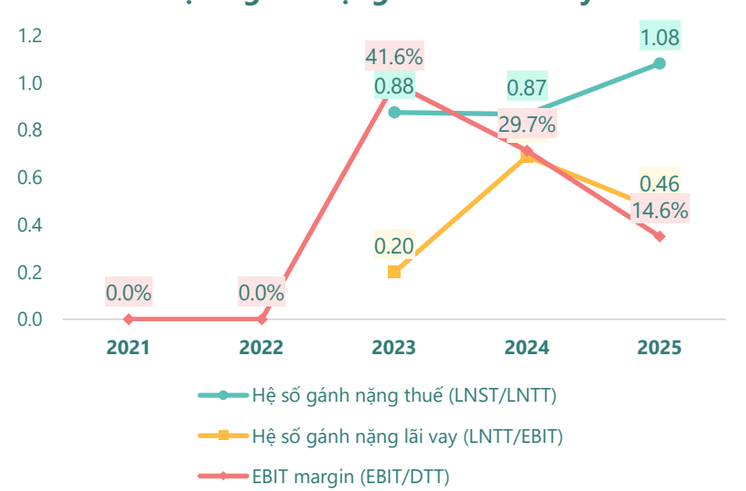
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



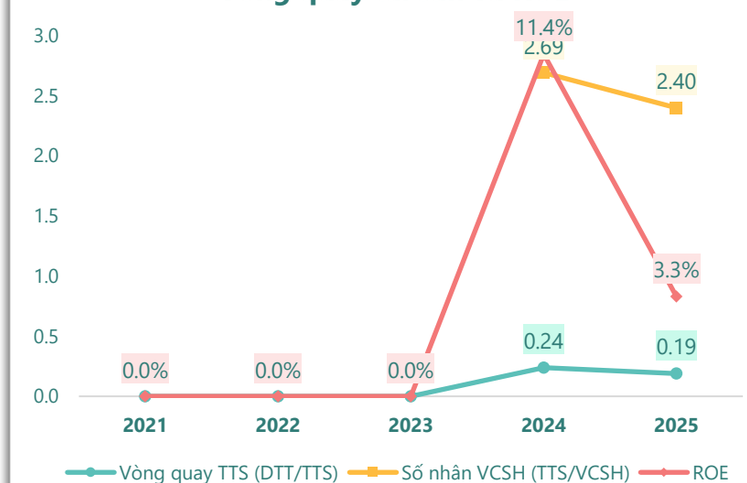
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



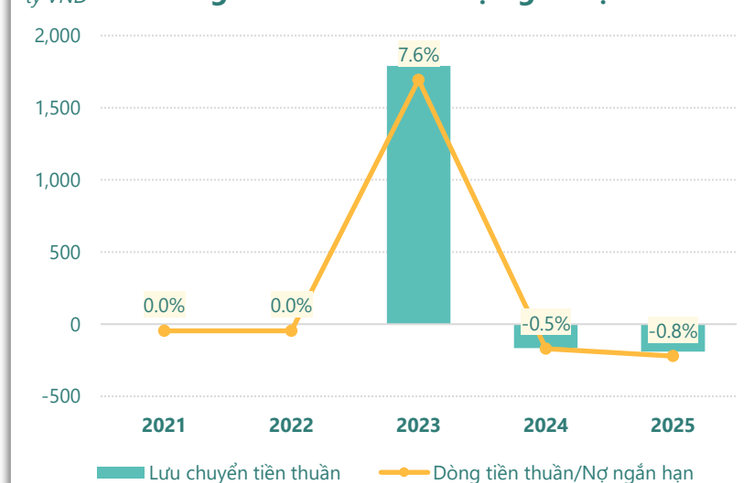
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6,525**			**15,539**	**14,376**	**8.1%**
Giá vốn hàng bán	3,503			10,112	11,513	-12.2%
Lợi nhuận gộp	3,022			5,427	2,863	89.6%
Doanh thu HĐTC	472			1,961	4,264	-54.0%
Chi phí TC	2,243			3,685	1,740	112%
Chi phí lãi vay	336			1,221	1,326	-7.9%
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	43.9			527	618	-14.7%
Chi phí QLDN	**681**			**2,071**	**1,664**	**24.4%**
LN thuần từ HĐKD	526			1,105	3,105	-64.4%
Lợi nhuận khác	**-6.17**			**-59.4**	**-165**	**64.0%**
LN trước thuế	520			1,046	2,940	-64.4%
Lợi nhuận sau thuế	**703**			**1,131**	**2,550**	**-55.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**703**			**1,131**	**2,550**	**-55.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	-2,177	-732	170	-191
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-2,578	768	3,646	-2,351
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	4,011	627	-426	-957
Tiền đầu kỳ	0	0	1,889	1,142	1,807	5,199
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**-744**	**663**	**3,389**	**-3,499**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-3.48	2.15	2.57	0.28
Tiền cuối kỳ	0	0	1,142	1,807	5,199	1,700

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**86,890**	**76,483**	**13.6%**
Tài sản ngắn hạn	27,725	25,507	8.7%
Tiền và tương đương tiền	1,700	1,889	-10.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,976	1,561	26.5%
Phải thu ngắn hạn	17,967	15,601	15.2%
Hàng tồn kho	5,490	5,852	-6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	592	604	-2.0%
Tài sản dài hạn	**59,166**	**50,976**	**16.1%**
Phải thu dài hạn	13,320	5,148	159%
Tài sản cố định	33,145	33,101	0.1%
Bất động sản đầu tư	542	580	-6.4%
Tài sản dở dang	4,985	5,029	-0.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,877	1,366	37.5%
Tài sản dài hạn khác	**911**	**829**	**9.9%**
Lợi thế thương mại	4,386	4,923	-10.9%
Nợ phải trả	50,263	44,999	11.7%
Nợ ngắn hạn	**24,639**	**30,403**	**-19.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,710	3,459	-21.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,477	3,202	-22.6%
Nợ dài hạn	25,624	14,596	75.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	8,883	9,414	-5.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**36,627**	**31,484**	**16.3%**
Vốn chủ sở hữu	**36,627**	**31,484**	**16.3%**
Vốn điều lệ	17,933	17,232	4.1%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)